

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-PT

Ngày 08-11-2018

V/v tranh chấp xác định con cho mẹ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang;

Bà Trương Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc: “Tranh chấp xác định con cho mẹ”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 44/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Mộng T, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; cư trú tại: Ấp C1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vương Sơn H – Luật sư, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên S, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1984; chị Trần Thị N, sinh năm 1973; cùng cư trú tại: Khu phố B, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh; anh Q vắng mặt, chị N có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1983; cư trú tại: Khu phố B1, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh – theo văn bản ủy quyền ngày 24-9-2018; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị V, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện T2, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - chị Võ Thị Mộng T trình bày:

Vào ngày 15-6-2013, chị sinh cháu Phạm Trần Minh A tại nhà của bà Nguyễn Thị N2 (mụ vườn), địa chỉ: Thị trấn T3, huyện T2, tỉnh An Giang. Sau khi sinh được 02 ngày thì chị giao cháu Minh A cho bà Trần Thị V nuôi dưỡng, chị không có giấy chứng sinh và chị cũng không làm giấy khai sinh cho cháu Minh A. Sau khi nhận nuôi cháu Minh A, bà V đưa cháu Minh A lên nhà của chị Phạm Thị N3, địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh để làm giúp việc cho chị N3 và chăm sóc cháu Minh A. Ngày 16-12-2016, chị N3 chết, hiện nay cháu Minh A do chị Trần Thị N và anh Trần Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 15-6-2013 là con đẻ của chị và yêu cầu chị N, anh Q giao cháu Minh A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – anh Nguyễn Văn N1 trình bày:

Chị Phạm Thị N3 là em ruột của chị Trần Thị N, khi còn sống chị N3 có sinh 01 người con là cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 15-6-2013. Năm 2016, chị N3 chết, hiện nay cháu Phạm Trần Minh A do vợ chồng chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N3 sinh cháu Minh A tại xã BT, huyện T2, tỉnh An Giang, khi sinh con chị N3 được cấp giấy chứng sinh, sau đó chị N3 đã đến Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh đăng ký giấy khai sinh cho cháu Phạm Trần Minh A với quan hệ là mẹ ruột.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định cháu Phạm Trần Minh A là con ruột của chị T, yêu cầu chị N và anh Q giao cháu Minh A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng thì chị N và anh Q không đồng ý. Vì cháu Phạm Trần Minh A là con ruột của chị N3, là cháu ruột của chị N, chị N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh A. Chị T cho rằng cháu Minh A là con của chị T nhưng chưa bao giờ thấy chị T đến liên hệ nhận con và thăm nom cháu Minh A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị V trình bày:

Bà có quen biết với chị T khi chị T đang mang thai cháu Phạm Trần Minh A vì vào thời điểm đó chị T đi làm thuê ở gần nhà của bà. Ngày 15-6-2013, chị T có sinh một bé gái chính là cháu Phạm Trần Minh A bây giờ. Bà là người trực tiếp đưa chị T đi sinh, chị T sinh tại nhà bà mụ vườn tên là N2. Do chị T mang thai

ngoài ý muốn nên sau khi sinh cháu Minh A được 02 ngày thì chị T giao cháu Minh A cho bà nuôi giúp, nuôi cho đến khi nào cháu Minh A lớn thì dẫn về. Khi chị T giao cháu Minh A cho bà nuôi, bà có đưa cho chị T số tiền 5.000.000 đồng để chị T bồi dưỡng cơ thể sau khi sinh. Sau khi nhận nuôi cháu Minh A được 01 tháng, bà đưa cháu Minh A đến sống và phụ bán quán cà phê cho chị Phạm Thị N3 tại thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Việc chị N3 làm giấy khai sinh cho cháu Minh A làm con của chị N3 thì bà hoàn toàn không biết. Ngày 16-12-2016, chị N3 chết, bà có lục trong tủ của chị N3 để kiếm giấy tờ làm thủ tục khai tử cho chị N3 thì bà mới biết việc chị N3 đã làm giấy khai sinh cháu Minh A là con đẻ của chị N3. Sau khi chị N3 chết, bà có báo cho chị T biết để nhận cháu Minh A về nuôi. Sau khi chị N3 chết thì khoảng 08 tháng sau bà có dắt cháu Minh A về nhà bà để ở được gần 01 tháng, trong thời gian chờ chị T về nhận con thì anh Trần Văn Q và chị Trần Thị N xuống đưa cháu Minh A về thị trấn T1 nuôi dưỡng từ ngày 18-10-2017 cho đến nay.

Bà cho rằng cháu Phạm Trần Minh A là con ruột của chị T, nay chị T khởi kiện yêu cầu xác định cháu Minh A là con của chị T và yêu cầu chị N, anh Q giao cháu Minh A cho chị T nuôi dưỡng, ý kiến của bà là yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu chị N, anh Q giao cháu Minh A lại cho chị T.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 44/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 89, khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mộng T về việc yêu cầu Tòa án xác định cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 15-6-2013 là con đẻ của chị và yêu cầu chị Trần Thị N, anh Trần Văn Q giao cháu Minh A cho chị Võ Thị Mộng T nuôi dưỡng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, chị Võ Thị Mộng T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, xác định cháu Phạm Trần Minh A là con của chị và giao cháu Minh A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị T giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Vương Sơn H trình bày luận cứ bảo vệ:

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là chưa xem xét toàn diện nội dung vụ án vì tại Tòa, bà V xác định: Sau khi sinh cháu Minh A hai ngày, do không có điều kiện nên chị T đã giao cho bà V nuôi dưỡng cháu Minh A và bà V đã mang cháu Minh A lên ở tại nhà chị N3. Kết quả giám định AND mà chị T cung cấp mặc dù không được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục nhưng kết quả giám định đã chứng minh được cháu Minh A là con của chị T; trong quá trình giải quyết vụ án, chị T nhiều lần yêu cầu Tòa án giám định AND nhưng chị N đã từ chối không đồng ý việc giám định, chị N cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh cháu Minh A là con của chị N3. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định cháu Minh A là con của chị T và giao cháu Minh A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 15-6-2013 hiện đang sinh sống cùng chị Trần Thị N và anh Trần Văn Q tại thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

[2] Chị Võ Thị Mộng T cho rằng cháu Phạm Trần Minh A là con ruột của chị, chị sinh cháu vào ngày 15-6-2013 tại nhà của bà Nguyễn Thị N2 (là mẹ vườn) tại thị trấn T3, huyện T2, tỉnh An Giang. Sau khi chị sinh cháu Minh A được 02 ngày thì chị giao cháu Minh A cho bà Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, chị T đều có yêu cầu giám định AND đối với cháu Minh A. Tòa án đã yêu cầu chị N đưa cháu Minh A đến Tòa án để lấy mẫu xét nghiệm AND theo yêu cầu của chị T, tuy nhiên chị N từ chối việc đưa cháu Minh A giám định AND vì chị cho rằng việc giám định AND sẽ ảnh hưởng đến việc phát triển tâm sinh lý của cháu Minh A. Do đó, Tòa án không thể tiến hành các thủ tục để giám định AND theo yêu cầu của chị T.

[3] Chị Trần Thị N cho rằng cháu Minh A là con ruột của em gái của chị N là chị Phạm Thị N3 và cung cấp các giấy tờ liên quan đến cháu Minh A gồm: Giấy chứng sinh ngày 15-6-2013 họ và tên người mẹ là Phạm Thị N3 và giấy khai sinh của cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 15-6-2013, họ và tên mẹ là Phạm Thị N3. Sau khi chị N3 chết vào ngày 16-12-2016 thì chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh A cho đến nay vì cháu Minh A là cháu ruột của chị.

[4] Qua xác minh những người làm chứng sinh sống ổn định xung quanh nhà chị N3 và chị N đều xác định việc chị N3 khi sinh thời có xin một đứa bé gái về nuôi từ khi mới sinh ra và nuôi cháu bé đến khi chị N3 chết vào năm 2016, đó là cháu Minh A. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V cũng xác định cháu Minh A là con đẻ của chị T. Do chị T nhờ bà nuôi dưỡng và bà đã đưa cháu Minh A lên ở tại nhà chị N3, việc chị N3 làm thủ tục khai sinh cho cháu Minh A lúc nào thì bà V không biết. Mặt khác, tại kết quả giám định ADN ngày 08-5-2018 của Trung tâm xét nghiệm Logi ADN kết luận: “Bằng kết luận ADN trên, chứng minh AND từ mẫu Võ Thị Mộng T và ADN từ mẫu Phạm Trần Minh A có cùng huyết thống “mẹ - con”. Mặc dù việc giám định ADN chưa được thực hiện theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật (do xét nghiệm theo yêu cầu cá nhân, tự thu thập mẫu) nhưng đây là một trong những tài liệu cần tham khảo vì nó phù hợp với những lời khai của những người làm chứng như bà V, bà N2 và những người dân xung quanh nhà chị N3. Chị N cho rằng cháu Minh A là con ruột của chị Phạm Thị N3 nhưng lại từ chối việc giám định ADN để chứng minh huyết thống cháu Minh A không phải là con của chị T.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, có cơ sở xác định: Cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 15-6-2013 là con của chị Võ Thị Mộng T. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xác định con cho chị T là chưa xem xét đánh giá toàn diện nội dung vụ án.

[5] Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh A của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi sinh cháu Minh A hai ngày thì chị T đã giao cháu cho bà V nuôi dưỡng, khi bà V đưa cháu Minh A về thị trấn T1 sinh sống thì chị T cũng không đến thăm nom, chăm sóc cháu Minh A. Hiện tại, chị T không có công việc ổn định, đồng thời chị T cũng thừa nhận chị còn một người con khác là cháu Võ Ngọc Hân sinh năm 2011 nhưng hiện tại chị đang gửi cháu Hân cho cha mẹ của chị nuôi dưỡng. Do đó, xét hoàn cảnh kinh tế của chị T không thể đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần cho cháu Minh A. Mặt khác, cháu Minh A đã sinh sống với chị N3 từ khi mới sinh. Sau khi chị N3 chết thì chị ruột của chị N3 là chị N trực tiếp nuôi dưỡng và sinh sống cùng cháu Minh A (chị N kinh doanh tại nhà, điều kiện kinh tế ổn định) nên chị N có thể đảm bảo được việc

chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh A cả về vật chất và tinh thần. Do vậy, cần giao cháu Minh A cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở.

[6] Chị T được quyền thăm nom cháu Minh A mà không ai được cản trở.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị T, sửa bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: *“Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận”*. Do Tòa án chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T nên chị T và chị N đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về án phí phúc thẩm: Chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Mộng T.

- Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 44/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ vào các Điều 28, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 89, khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mộng T.

Xác định cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 15-6-2013 là con ruột của chị Võ Thị Mộng T.

2.2. Giao cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 15-6-2013 cho chị Trần Thị N và anh Trần Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận chị N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu Minh A.

2.3. Chị Võ Thị Mộng T được quyền thăm nom cháu Phạm Trần Minh A mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm:

Chị Võ Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0004864 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Chị T không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho chị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0005495 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV.TAT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Kim Sang